

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-PT
Ngày 14- 3 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị M, sinh năm 1958 (có mặt)
Cư trú tại: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn:

1. Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1968 (có mặt)
 2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 (có mặt)
- Cùng cư trú: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu
Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Châu Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Châu Thị M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Phạm Đăng K trình bày: Vào năm 1990 bà Châu Thị M chuyển nhượng của ông Phan Văn M một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 23.471,4m², tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Việc chuyển nhượng hai bên chỉ thống nhất diện tích không có đo đạc thực tế. Sau khi chuyển nhượng bà M trực tiếp canh tác và đến năm 1996 được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số H 169969, đến năm 2007 được cấp đổi do hộ bà Châu Thị M và ông Tống Văn T đứng tên giấy chứng nhận số AE 037834, với diện tích 23.471,4m². Phần đất của bà M có một cạnh giáp với đất của bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N. Trong quá trình sử dụng hai bên phát sinh tranh chấp nên có nhờ chính quyền địa phương ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đến hòa giải và cắm mốc làm ranh, vào thời điểm này bà M có trồng 01 cây me nhằm mục đích xác định ranh giới hai bên. Vào năm 2011 bà Tô Thị Đ đã tự động dời trụ đá lấn sang phần đất của bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông N có trách nhiệm trả lại cho bà phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 1.297,5m². Ngoài ra, bà không còn ý kiến gì khác.

Bị đơn bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Đ vào năm 1994. Khi chuyển nhượng không đo đạc nhưng có chỉ ranh, phần đất của ông, bà có một cạnh giáp với đất của bà Châu Thị M. Quá trình sử dụng hai bên có phát sinh tranh chấp và được Ban nhân dân ấp hòa giải và có cắm ranh giữa các bên. Sau khi được hòa giải và cắm ranh thì gia đình ông, bà đã sử dụng đất ổn định và có cất một phần căn nhà trên đây.

Năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 471017 với diện tích 54.000m² do bà Tô Thị Đ đứng tên. Vào năm 2016, bà Châu Thị M cho rằng trong quá trình canh tác vợ chồng ông, bà dời trụ đá nên phát sinh tranh chấp. Nay bà M yêu cầu giao trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 1.297,5m² thì ông, bà không đồng ý.

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đ – ông Bùi Minh T trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Tô Thị Đ là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M đòi bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N trả lại phần đất có vị trí và hiện trạng như sau:

Hướng Đông: Giáp kênh Phạm Thế H cạnh dài 1,7m

Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của bà Châu Thị M cạnh dài 1,9m

Hướng Nam: Giáp phần đất của bà Châu Thị M cạnh dài 119,9m + 449,2m + 27,3m + 73,8m.

Hướng Bắc: Giáp phần đất của bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N cạnh dài 119,9m + 82,8m.

Diện tích chung: 1.297,5m², nằm tại các thửa 105, 106, 123, tờ bản đồ số 09 (theo bản đồ 299) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Đ vào năm 1996.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn bà Châu Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét, tổ chức khảo sát, đo đạc lại cho khách quan và chính xác; Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Châu Thị M, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Châu Thị M nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị M yêu cầu bà Đ và ông N trả lại cho bà phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 1.297,5m², Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Tại Biên bản thẩm định đất ngày 23/8/2018 (bút lục số 61) và bản trích đo đất tranh chấp (bút lục số 70) xác định đất tranh chấp diện tích 1.297,5m², nằm tại các thửa 105, 106, 123, tờ bản đồ số 09 (theo bản đồ 299) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Đ vào năm 1996.

[5] Tại Công văn số 2347/UBND ngày 07/8/2018 và Bản tự khai ngày 14/8/2018 của ông Bùi Minh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Đ tại các thửa 105, 106, 123, tờ bản đồ số 09, tổng diện tích 54.000m² là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (bút lục số 43, 117). Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà M về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 1.297,5 m² của bà Đ và ông N.

[6] Lời khai người làm chứng là ông Tô Văn M (bút lục số 153), ông Võ Văn T (bút lục số 151), ông Phan Công T (bút lục số 149), ông Trần Văn Đ (bút lục số 147) cùng xác định có sự việc khoảng năm 2002 bà M và bà Đ có tranh chấp ranh đất nhờ địa phương giải quyết và có sự việc hai bên tiến hành cặm ranh xong không còn tranh chấp.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thừa nhận trên đất tranh chấp có cặm 07 trụ đá. Bà Đ khẳng định 07 trụ đá chính là ranh đất hai bên đã thống nhất cặm ranh trước đây, không có sự việc di dời trụ đá. Bà M cho rằng bà Đ đã lấn chiếm đất từ năm 2011 nhưng bà Đ xác định đã sử dụng đất ổn định từ khi cặm ranh không ai tranh chấp. Bà M cho rằng bà Đ di dời 07 trụ đá lấn ranh đất của bà nhưng bà M không có chứng cứ chứng minh.

[8] Đối với việc bà M cho rằng cây me trên đất tranh chấp là của gia đình bà trồng xác định ranh giữa hai bên. Bà Đ cho rằng sau khi cặm ranh có sự chứng kiến của địa phương thì cây me thuộc phần đất của bà nhưng vì không có giá trị nên bà không yêu cầu chặt. Thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm, bà M cũng thừa nhận cây me có trước thời điểm 02 bên cặm ranh năm 2002 nên không có căn cứ xác định cây me là mốc xác định ranh đất giữa hai bên như bà M trình bày.

[9] Từ những phân tích trên, không có cơ sở xác định bà Đ lấn chiếm đất của bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo đòi đất của bà M.

[10] Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu xem xét, khảo sát và đo đạc lại phần đất của bà và bà Đ. Lý do bà M yêu cầu đo đạc lại vì bà không đồng ý việc cơ quan đo đạc xác định đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ. Thấy rằng, bà M xác định khi đo đạc thì hai bên đương sự có mặt và tham gia chỉ ranh đất, lý do yêu cầu đo đạc lại không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị M; có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm, bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 99; Điều 203 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M đòi bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N trả lại phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp kênh Phạm Thế H cạnh dài 1,7m;

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Châu Thị M cạnh dài 1,9m

Hướng Nam giáp phần đất của bà Châu Thị M cạnh dài 119,9m + 449,2m + 27,3m + 73,8m.

Hướng Bắc giáp phần đất của bà Tô Thị Đ và ông Nguyễn Văn N cạnh dài 119,9m + 82,8m.

Diện tích chung: 1.297,5m², nằm tại các thửa 105, 106, 123, tờ bản đồ số 09 (theo bản đồ 299) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Đ vào năm 1996.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị M phải chịu 300.000 đồng, bà M đã dự nộp số tiền 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0006409, ngày 04/5/2017 được đối trừ, số tiền còn lại 700.000 đồng bà Châu Thị M được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Châu Thị M phải chịu 300.000 đồng. Bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011844 ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang